

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2024
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc

Bà Hồ Lệ Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Trúc L**, sinh năm 1988, có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ cư trú: **Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.**

Chỗ ở hiện nay: **Ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thành P**, sinh năm 1977, vắng mặt

Địa chỉ cư trú: **Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/02/2024, chị **Trần Thị Trúc L** trình bày:

Về hôn nhân: Chị **L** và anh **P** tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/02/2011. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hoà hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện tại đã không còn chung sống với nhau khoảng 05 năm nay. Do đó, chị **L** yêu cầu được ly hôn với anh **P**.

Về con chung: Thời gian chung sống anh chị có 03 người con chung là **Nguyễn Thành Đ**, sinh ngày 02/10/2008, **Nguyễn Thị Tường V**, sinh ngày 19/8/2010 và **Nguyễn Thành P1**, sinh ngày 08/10/2013, các cháu đang do anh **P** nuôi dạy. Khi ly

hôn chị **L** thống nhất giao cho anh **P** tiếp tục nuôi dạy các con chung, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị **Trần Thị Trúc L** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Nguyễn Thành P**. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh **P** có địa chỉ tại **ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau**. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị **L** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **P** nhưng anh **P** vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Chị **L** có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **P**, chị **L** theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị **Trần Thị Trúc L** và anh **Nguyễn Thành P** tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang** vào ngày 17/02/2011. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị **L** yêu cầu ly hôn với anh **P**. Xét thấy, yêu cầu của chị **L** là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân khoảng 05 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh **P** vắng mặt tại lần hòa giải không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị **Trần Thị Trúc L** và anh **Nguyễn Thành P** được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống anh chị có 03 người con chung là **Nguyễn Thành Đ**, sinh ngày 02/10/2008 (giới tính nam), **Nguyễn Thị Tường V**, sinh ngày 19/8/2010 (giới tính nữ) và **Nguyễn Thành P1**, sinh ngày 08/10/2013 (giới tính nam), các cháu đang do anh **P** nuôi dạy. Khi ly hôn chị **L** thống nhất giao cho anh **P** tiếp tục nuôi dạy các con chung. Xét thấy, ý kiến của chị **L** là có cơ sở. Bởi vì, các cháu đang do anh **P** nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của các cháu. Mặt khác, anh **P** cũng không có ý kiến gì về con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu **Đ**, cháu **V** và cháu **P1** cho anh **P** nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị **L** không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, anh **P** cũng không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **L** không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Đối với nợ chung là không có, không ai yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Trần Thị Trúc L** phải chịu án phí theo Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị **Trần Thị Trúc L** và anh **Nguyễn Thành P** được ly hôn.

2. Về con chung: Giao các cháu **Nguyễn Thành Đ**, sinh ngày 02/10/2008 (giới tính nam), **Nguyễn Thị Tường V**, sinh ngày 19/8/2010 (giới tính nữ) và **Nguyễn Thành P1**, sinh ngày 08/10/2013 (giới tính nam) cho anh **P** tiếp tục nuôi dạy. Chị **L** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị **L** không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Trần Thị Trúc L** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 05 tháng 7 năm 2024 chị **L** có nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0016325 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **L**, anh **P** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đông Hưng B, huyện An Minh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảo Trâm